

BẢNG DỰ TRÙ MUA THỰC PHẨM

Thứ 4 ngày 3 tháng 9 năm 2025

- * Bữa sáng:

- Cá hồi sốt chanh leo

- Canh thịt su su
- * Bữa chiều:

- Mg: Chè hoa cau

- NT: Cháo sườn cà rốt
- * Ăn giữa giờ:

- Sữa

Tổng số suất ăn: 250

MG: 210

NT: 40

Số trẻ: 250 * 22.000 = 5.500.000 đ

STT	Tên TP	ĐVT	Số lượng	Khẩu phần		Đơn giá	Thành tiền		Tổng tiền
				MG	NT		MG	NT	
1	Gạo tẻ	Kg	22.00	19.00	3.00	21,000	399,000	63,000	462,000
2	Cá hồi	Kg	4.20	3.80	0.40	350,000	1,330,000	140,000	1,470,000
3	Cà rốt	Kg	5.60	5.20	0.40	25,000	130,000	10,000	140,000
4	Rau mùi	Kg	0.20	0.18	0.02	80,000	14,400	1,600	16,000
5	Bột năng	Kg	2.00	2.00		30,000	60,000	0	60,000
6	Thịt lợn sườn	Kg	3.10	2.90	0.20	150,000	435,000	30,000	465,000
7	Sữa bột tru mil	Kg	4.40	3.60	0.80	260,000	936,000	208,000	1,144,000
8	Sườn lợn	Kg	2.00	0.20	1.80	175,000	35,000	315,000	350,000
9	Chanh leo	Kg	1.50	1.30	0.20	40,000	52,000	8,000	60,000
10	Đỗ xanh	Kg	8.00	7.70	0.30	58,000	446,600	17,400	464,000
11	Cà chua	Kg	2.00	1.80	0.20	30,000	54,000	6,000	60,000
12	Su su	Kg	6.60	5.40	1.20	30,000	162,000	36,000	198,000
13	Muối	Kg	0.80	0.65	0.15	35,000	22,750	5,250	28,000
14	Dầu TV	Kg	2.00	1.70	0.30	78,000	132,600	23,400	156,000
15	Nước mắm	Kg	0.40	0.35	0.05	28,500	9,975	1,425	11,400
16	Hành củ	Kg	0.30	0.28	0.02	50,000	14,000	1,000	15,000
17	Hành lá	Kg	0.20	0.18	0.02	50,000	9,000	1,000	10,000
18	Rau răm	Kg	0.10	0.09	0.01	50,000	4,500	500	5,000
19	Thìa là	Kg	0.10	0.09	0.01	50,000	4,500	500	5,000
20	Nước cốt dừa	Kg	1.60	1.60		100,000	160,000	0	160,000
21	Bí ngô	Kg	0.50		0.50	23,000	0	11,500	11,500
22	Đường kính	Kg	6.00	6.00		35,000	210,000	0	210,000
Tổng							4,621,325	879,575	5,500,900

Người dự trù

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Anh

Đào Thị Lý



BẢNG DỰ TRÙ MUA THỰC PHẨM

Thứ 5 ngày 4 tháng 9 năm 2025

*** Bữa sáng:**

- Thịt lợn kho trứng cút

- Canh cá rau cải xanh

*** Bữa chiều:**

- Mì: Cháo sườn bí đỏ

- NT: Cháo tôm đỗ xanh

*** Ăn giữa giờ:**

- Sữa

Tổng số suất ăn: 270

MG: 230

NT: 40

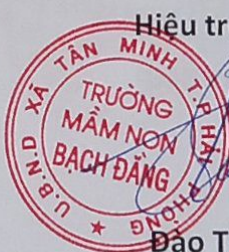
Số trẻ: 270 * 22.000 = 5.940.000 đ

STT	Tên TP	ĐVT	Số lượng	Khẩu phần		Đơn giá	Thành tiền		Tổng tiền
				MG	NT		MG	NT	
1	Gạo tẻ	Kg	31.00	27.80	3.20	21,000	583,800	67,200	651,000
2	Cá quả	Kg	3.50	3.05	0.45	140,000	427,000	63,000	490,000
3	Thịt Lợn sẵn	Kg	6.50	5.80	0.70	150,000	870,000	105,000	975,000
4	Sườn lợn	Kg	4.00	4.00		175,000	700,000	0	700,000
5	Rau mùi	Kg	0.20	0.10	0.10	80,000	8,000	8,000	16,000
6	Đậu xanh	Kg	1.00	0.70	0.30	58,000	40,600	17,400	58,000
7	Muối	Kg	0.80	0.65	0.15	35,000	22,750	5,250	28,000
8	Nước mắm	Kg	0.40	0.30	0.10	28,500	8,550	2,850	11,400
9	Cà rốt	Kg	4.00	3.70	0.30	25,000	92,500	7,500	100,000
10	Dầu TV	Kg	1.80	1.60	0.20	78,000	124,800	15,600	140,400
11	Hành củ	Kg	0.20	0.15	0.05	50,000	7,500	2,500	10,000
12	Trứng chim cút	Kg	8.00	7.05	0.95	110,000	775,500	104,500	880,000
13	Hành lá	Kg	0.20	0.10	0.10	50,000	5,000	5,000	10,000
14	Sữa bột Tru mil	Kg	4.60	3.90	0.70	260,000	1,014,000	182,000	1,196,000
15	Rau cải xanh	Kg	9.00	8.10	0.90	35,000	283,500	31,500	315,000
16	Gia vị kho tàu	Kg	0.28	0.20	0.08	250,000	50,000	20,000	70,000
17	Gừng	Kg	0.10	0.08	0.02	70,000	5,600	1,400	7,000
18	Tôm	Kg	0.80		0.80	280,000	0	224,000	224,000
19	Bí ngô	Kg	2.50	1.70	0.80	23,000	39,100	18,400	57,500
Tổng							5,058,200	881,100	5,939,300

Người dự trữ

Nguyễn Thị Anh

Hiệu trưởng



Đào Thị Lý

BẢNG DỰ TRÙ MUA THỰC PHẨM

Thứ 6 ngày 5 tháng 09 năm 2025

* Bữa sáng:

- Chả lươn trứng thịt
- Canh xương bí xanh, cà rốt

* Bữa chiều:

- MG: Cháo gà
- NT: Cháo thịt bí đỏ

* Ăn giữa giờ:

- Sữa

Tổng số suất ăn: 270

MG: 250

40

Số trẻ: 270 * 22.000 = 5.940.000 đ

STT	Tên TP	ĐVT	Số lượng	Khẩu phần		Đơn giá	Thành tiền		Tổng tiền
				MG	NT		MG	NT	
1	Gạo tẻ	Kg	36.50	33.30	3.20	21,000	699,300	67,200	766,500
2	Thịt lợn sẵn	Kg	3.70	2.70	1.00	150,000	405,000	150,000	555,000
3	Lươn	Kg	6.00	4.60	1.40	220,000	1,012,000	308,000	1,320,000
4	Thịt gà	Kg	4.00	4.00		155,000	620,000	0	620,000
5	Xương lợn	Kg	3.00	2.50	0.50	135,000	337,500	67,500	405,000
6	Trứng vịt	Kg	2.50	2.30	0.20	72,000	165,600	14,400	180,000
8	Răng cưa	Kg	0.20	0.17	0.03	50,000	8,500	1,500	10,000
9	Hành củ	Kg	0.20	0.15	0.05	50,000	7,500	2,500	10,000
10	Bí xanh	Kg	7.00	6.60	0.40	35,000	231,000	14,000	245,000
11	Đỗ xanh	Kg	0.30		0.30	58,000	0	17,400	17,400
12	Cà rốt	Kg	8.40	7.70	0.70	25,000	192,500	17,500	210,000
13	Bí ngô	Kg	4.00	3.50	0.50	23,000	80,500	11,500	92,000
14	Sữa bột tru mil	Kg	5.00	4.30	0.70	260,000	1,118,000	182,000	1,300,000
15	Muối	Kg	0.80	0.60	0.20	35,000	21,000	7,000	28,000
16	Nước mắm	Kg	0.40	0.35	0.05	28,500	9,975	1,425	11,400
17	Dầu TV	Kg	2.00	1.80	0.20	78,000	140,400	15,600	156,000
18	Lá lốt	Kg	0.10	0.08	0.02	50,000	4,000	1,000	5,000
19	Hành lá	Kg	0.20	0.16	0.04	50,000	8,000	2,000	10,000
Tổng							5,060,775	880,525	5,941,300

Người dự trù

Nguyễn Thị Anh



Hiệu trưởng

Đào Thị Lý

BẢNG DỰ TRÙ MUA THỰC PHẨM

Thứ 7 ngày 6 tháng 9 năm 2025

* Bữa sáng:

- Thịt đậu sốt cà
- Canh tép mỏng tươi, bầu

* Bữa chiều:

- Mg: Cháo tôm
- Nt: Cháo tôm

* Ăn giữa giờ:

- Sữa bột

Tổng số suất ăn: 80

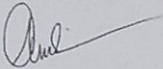
MG: 56

NT: 24

Số trẻ: 70 * 22.000 = 1.540.000 đ

STT	Tên TP	ĐVT	Số lượng	Khẩu phần		Đơn giá	Thành tiền		Tổng tiền
				MG	NT		MG	NT	
1	Gạo tẻ	Kg	8.30	6.30	2.00	21,000	132,300	42,000	174,300
2	Thịt lợn sẵn	Kg	1.50	0.90	0.60	150,000	135,000	90,000	225,000
3	Đậu phụ	Kg	2.00	1.50	0.50	35,000	52,500	17,500	70,000
4	Cua đồng	Kg	0.80	0.50	0.30	170,000	85,000	51,000	136,000
5	Bầu	Kg	1.40	1.00	0.40	35,000	35,000	14,000	49,000
6	Cà chua	Kg	1.00	0.60	0.40	30,000	18,000	12,000	30,000
7	Rau mùi	Kg	0.10	0.09	0.01	80,000	7,200	800	8,000
8	Hành lá	Kg	0.10	0.09	0.01	50,000	4,500	500	5,000
9	Hành củ	Kg	0.10	0.09	0.01	50,000	4,500	500	5,000
10	Cà rốt	Kg	0.80	0.45	0.35	25,000	11,250	8,750	20,000
11	Bí ngô	Kg	1.10	0.70	0.40	23,000	16,100	9,200	25,300
12	Đỗ xanh	Kg	0.50	0.30	0.20	58,000	17,400	11,600	29,000
13	Rau mùng tơi	Kg	1.00	0.60	0.40	35,000	21,000	14,000	35,000
14	Muối	Kg	0.30	0.20	0.10	35,000	7,000	3,500	10,500
15	Nước mắm	Kg	0.20	0.12	0.08	28,500	3,420	2,280	5,700
16	Đầu TV	Kg	0.50	0.40	0.10	78,000	31,200	7,800	39,000
17	Sữa bột Tru mil	Kg	1.30	0.90	0.40	260,000	234,000	104,000	338,000
18	Tôm đồng	Kg	1.20	0.70	0.50	280,000	196,000	140,000	336,000
Tổng							1,011,370	529,430	1,540,800

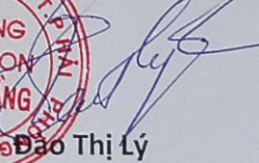
Người dự trù



Nguyễn Thị Anh



Hiệu trưởng


Đào Thị Lý